



Số: 012657 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12962.25



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO – CHI NHÁNH SÓNG THẦN
Địa chỉ : LÔ K4, ĐƯỜNG SỐ 2, KCN SÓNG THẦN 2 , THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
Tên mẫu : NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI VIHAWA (SỐ TCCS 01:2018/VH103) - NSX: 21/05/2025; HSD: 21/05/2027
Ngày lấy mẫu : 21/05/2025
Lượng mẫu : 01 bình x 20 lít
Ngày nhận mẫu : 22/05/2025
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm
Người nhận mẫu : Dương Nữ Thanh Vân
Thời gian thử nghiệm : 22/05/2025-29/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a) (b)	0	CFU/250 ml
2	<i>Streptococci fecal</i>	TCVN 6189-2:2009 (ISO 7899-2:2000 (E)) (a) (b)	0	CFU/250 ml
3	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	TCVN 6191-2:1996 (ISO 6461-2:1986 (E)) (a) (b)	0	CFU/50 ml
4	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2019 (a) (b)	0	CFU/250 ml
5	Coliforms tổng số	TCVN 6187-1:2019 (a) (b)	0	CFU/250 ml

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao bì kín, còn nguyên vẹn bao bì của nhà sản xuất.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (b) Phép thử được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04-06-2025

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM
TS. Lê Thị Ngọc Hạnh



Số: 012656 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12961.25



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO – CHI NHÁNH SÓNG THẦN
Địa chỉ : LÔ K4, ĐƯỜNG SỐ 2, KCN SÓNG THẦN 2, THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
Tên mẫu : NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI VIHAWA (SỐ TCCS 01:2018/VH103) - NSX: 21/05/2025; HSD: 21/05/2027
Ngày lấy mẫu : 21/05/2025
Lượng mẫu : 01 bình x 20 lít
Ngày nhận mẫu : 22/05/2025
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm
Người nhận mẫu : Dương Nữ Thanh Vân
Thời gian thử nghiệm : 22/05/2025-30/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Stibi (Sb)	HD.PP.21/TT.AAS (Ref. SMEWW 3125B-2023) (a) (b)	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
2	Arsen (As) tổng	HD.PP.21/TT.AAS (Ref. SMEWW 3125B-2023) (a) (b)	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
3	Bari (Ba)	HD.PP.21/TT.AAS (Ref. SMEWW 3125B-2023) (a) (b)	0,062	mg/l
4	Bor (bao gồm Borat và Axit boric)	HD.PP.21/TT.AAS (Ref. SMEWW 3125B-2023) (a) (b)	Không phát hiện LOD = 0,02	mg/l
5	Cadimi (Cd)	SMEWW 3125 B - 2023 (a) (b)	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
6	Clor	SMEWW 4500 Cl F: 2023 (a) (b)	Không phát hiện LOD = 0,05	mg/l
7	Clorat	Method 300.1, EPA: 1999 (a) (b)	Không phát hiện LOD = 0,007	mg/l
8	Clorit	Method 300.1, EPA: 1999 (a) (b)	Không phát hiện LOD = 0,007	mg/l
9	Crom tổng (Cr)	SMEWW 3120 B - 2023 (a) (b)	Không phát hiện LOD = 0,010	mg/l
10	Đồng (Cu)	SMEWW 3120 B - 2023 (a) (b)	Không phát hiện LOD = 0,020	mg/l
11	Cyanid (CN ⁻)	SMEWW 4500 CN C&E: 2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/l

Mã số mẫu: 12961.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
12	Fluorid (F ⁻)	Method 300.1, EPA: 1999 (a) (b)	Không phát hiện LOD = 0,05	mg/l
13	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a) (b)	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
14	Mangan (Mn)	SMEWW 3120 B - 2023 (a) (b)	Không phát hiện LOD = 0,020	mg/l
15	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.21/TT.AAS (Ref. SMEWW 3125B-2023) (a) (b)	Không phát hiện LOD = 0,00008	mg/l
16	Molybden (Mo)	HD.PP.21/TT.AAS (Ref. SMEWW 3125B-2023) (a) (b)	Không phát hiện LOD = 0,01	mg/l
17	Nickel (Ni)	HD.PP.21/TT.AAS (Ref. SMEWW 3125B-2023) (a) (b)	Không phát hiện LOD = 0,004	mg/l
18	Nitrate (NO ₃ ⁻)	Method 300.1, EPA: 1999 (a) (b)	< 1,0	mg/l
19	Nitrite (NO ₂ ⁻)	Method 300.1, EPA: 1999 (a) (b)	Không phát hiện LOD = 0,05	mg/l
20	Selen (Se)	HD.PP.21/TT.AAS (Ref. SMEWW 3125B-2023) (a) (b)	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
21	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a) (b)	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
22	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a) (b)	Không phát hiện LOD = 0,050	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao bì kín, còn nguyên vẹn bao bì của nhà sản xuất.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (b) Phép thử được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TT-LT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **04-06-2025**

TU. VIỆN TRƯỞNG

TRƯỜNG KHOA XÉT NGHIỆM



ThS. Nguyễn Quốc Tuấn



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12963.25



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO – CHI NHÁNH SÓNG THẦN
Địa chỉ : LÔ K4, ĐƯỜNG SỐ 2, KCN SÓNG THẦN 2 , THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
Tên mẫu : NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI VIHAWA (SỐ TCCS 01:2018/VH103) - NSX: 21/05/2025; HSD: 21/05/2027
Ngày lấy mẫu : 21/05/2025
Lượng mẫu : 01 bình x 20 lít
Ngày nhận mẫu : 22/05/2025
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm
Người nhận mẫu : Dương Nữ Thanh Vân
Thời gian thử nghiệm : 22/05/2025-30/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Bromat	Method 300.1, EPA: 1999 (a) (b)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao bì kín, còn nguyên vẹn bao bì của nhà sản xuất.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (b) Phép thử được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **04-06-2025**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



T.S. Nguyễn Quốc Tuấn